

CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 110/PPC-TCHC

V/v Công bố thông tin  
Báo cáo thường niên năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
2. Mã chứng khoán : PBP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu
4. Điện thoại: (84) - 2913 957 555 Fax: (84) - 2913 957 666
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Nhuận

Địa chỉ thường trú: Khóm 1, Phường 7, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 2913 957 555

Fax: (84) - 2913 957 666

6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024 Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (đính kèm).
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: [www.pbp.vn](http://www.pbp.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN



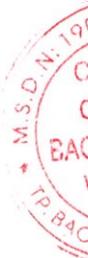
Nguyễn Thanh Nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 03 năm 2025



# MỤC LỤC

<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát về Công ty .....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	3
4. Định hướng phát triển .....	4
5. Các rủi ro.....	5
<b>PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>7</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	7
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án .....	11
4. Tình hình tài chính .....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	14
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....	15
<b>PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>20</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc.....	20
2. Tình hình tài chính .....	20
3. Kế hoạch phát triển tương lai.....	22
4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán .....	24
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty ..	24
<b>PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>26</b>
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2024.....	26
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc .....	27
<b>PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>29</b>
1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban kiểm soát.....	34
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành.....	38

# PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát về Công ty

### Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
Tên tiếng Anh	:	PETROVIETNAM PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	PPC
Giấy chứng nhận ĐKDN số	:	1900437757 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 07 năm 2023
Vốn điều lệ	:	47.995.160.000 đồng
Địa chỉ	:	Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Số điện thoại	:	(0291) 395.7555
Số fax	:	(0291) 395.7666
Website	:	<a href="http://pbp.vn">http://pbp.vn</a>
Mã cổ phiếu	:	PBP
Sàn chứng khoán	:	HNX

### Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, có uy tín và vị thế trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì đóng gói và phân bón thông qua chiến lược phát triển bền vững.

### Sứ mệnh

Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao. Đảm bảo lợi ích người lao động, khách hàng và nhà đầu tư.

### Giá trị cốt lõi

### UY TÍN

Xây dựng thương hiệu uy tín, đảm bảo minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### TRÁCH NHIỆM

Công ty luôn đặt tâm huyết và trách nhiệm cao nhất trong mỗi sản phẩm để giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của thương hiệu cũng như niềm tin của khách hàng.

## THÂN THIỆN

Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

## SÁNG TẠO

Không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào quản lý, sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng, đa dạng sản phẩm – dịch vụ hóa để đáp ứng nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

## Quá trình hình thành và phát triển

Những mốc lịch sử quan trọng	
Năm 2010	10/06/2010 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức thành lập; 28/06/2010 Tổ chức lễ khởi công Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu tại Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
Năm 2011	Hoàn thành dự án, chuyển giao công nghệ. Ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm bao bì với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).
Năm 2012	Tháng 04/2012 Nhà máy sản xuất Bao bì chính thức đi vào hoạt động vận hành và chạy thương mại. Tháng 12/2012 PPC chính thức trở thành Công ty con của PVCFC.
Năm 2013	Công suất bao bì đạt 100% thiết kế.
Năm 2014	Vận hành và ghép thành công sản phẩm bao BOPP trên máy tráng.
Năm 2015	27/01/2015 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán PBP.
Năm 2016	16/12/2016 Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu hoàn thành và đưa vào vận hành. PPC cán mốc 20 triệu sản phẩm thương mại cung cấp cho thị trường.
Năm 2017	Đưa sản phẩm phân bón N Humate + TE ra thị trường. PBP được cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2015.
Năm 2018	Công ty tăng vốn lên 45.709.940.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 12%.
Năm 2019	PPC tiếp tục tăng vốn lên 47.995.160.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông. Công ty đã hoàn tất việc tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
Năm 2020	Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trước đại dịch Covid 19 và hạn xâm nhập mặn Tây Nam Bộ trước 05 ngày.
Năm 2021	Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh về đích 10 ngày; Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19.
Năm 2022	Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
Năm 2023	Công ty vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh với lợi nhuận trước thuế vượt 26%.

Những mốc lịch sử quan trọng	
Năm 2024	Công ty vượt kế hoạch sản xuất và kinh doanh trước 30 ngày. PBP được cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2015; ISO 14001: 2015; chứng nhận hợp quy các sản phẩm phân bón

### Một số thành tựu đạt được

Trải qua 14 năm hình thành và phát triển, PPC với sự nỗ lực bền bỉ, tinh thần đoàn kết của cả tập thể nhân sự, chiến lược phát triển bền vững cùng nền tảng công nghệ tiên tiến; Đến nay, Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì chất lượng cao tại Việt Nam, trong đó chủ lực là Bao PP dệt, PP tráng PE và BOPP ghép màng.

Năm 2015, PPC được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương và Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các thành tích xuất sắc trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2016, Công ty được nhận bằng khen của Thủ tướng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2019, PPC thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Hơn thế nữa, Công ty đã chủ động triển khai, tổ chức xây dựng kênh phân phối kinh doanh phân bón riêng của PPC.

Năm 2020, Công ty được nhận bằng khen của Tập Đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam.

Năm 2024, Công ty được nhận giấy khen của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bạc Liêu về cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự".

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

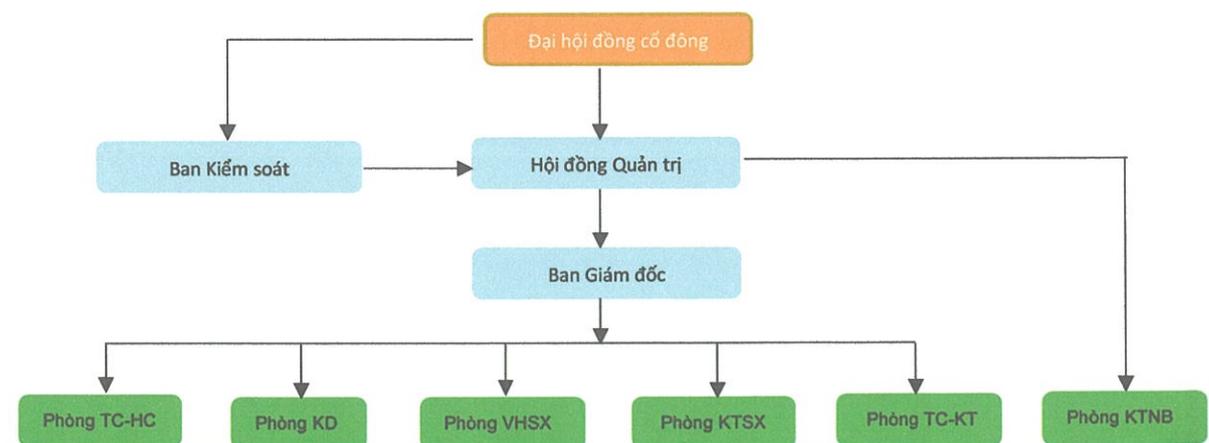
Sản xuất bao bì, kinh doanh chỉ may bao bì PP, PE, Cotton, bán buôn chất dẻo nguyên sinh, bán buôn phân bón, kinh doanh và in ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ cho ngành nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác, quảng cáo, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác, sản xuất phân bón và hợp chất nitơ

### Địa bàn kinh doanh:

PPC hoạt động cung cấp sản phẩm trong nước và ngoài nước. Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính: Cà Mau, TP. HCM, miền Tây Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ.....

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### Sơ đồ bộ máy Công ty





## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ... trong ngành sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì, trong đó hoạt động sản xuất bao bì PP chất lượng cao làm lĩnh vực cốt lõi;

Tiếp tục phát triển mảng bao bì, dự kiến đạt sản lượng 25-30 triệu bao/năm;

Tăng thị phần mảng bao bì từ khách hàng bên ngoài tối thiểu 30%, bên cạnh đó đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm bao bì và phân bón sang Campuchia;

Đẩy mạnh gia công các sản phẩm phân bón mới cho PVCFC và thực hiện gia công phân bón các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy đạt công suất tối đa.

## Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

PPC luôn đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

**Bảo vệ môi trường:** Áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, giảm thiểu tác động đến môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn và xử lý chất thải.

**Phát triển bền vững:** Kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với trách nhiệm xã hội, hướng tới mô hình sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng.

**Chăm lo đời sống người lao động:** Không ngừng cải thiện chế độ phúc lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

**Hỗ trợ cộng đồng:** Phối hợp với các tổ chức, chính quyền địa phương thực hiện các chương trình từ thiện, hỗ trợ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, các mẹ Việt Nam Anh hùng,... góp phần xây dựng một xã hội nhân văn, đoàn kết.

## 5. Các rủi ro

### Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế chưa hoàn toàn phục hồi, sức mua giảm, ảnh hưởng đến nhu cầu bao bì và phân bón.

Biến động giá dầu, năng lượng và nguyên vật liệu toàn cầu do chiến tranh, lạm phát, khiến chi phí sản xuất gia tăng.

Tình hình xuất khẩu gặp khó khăn, đặc biệt trong ngành nông sản và bao bì, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ của Công ty.

### Rủi ro pháp luật

Chính sách pháp luật về Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Môi trường, thuế và lao động có thể thay đổi, làm tăng chi phí tuân thủ.

Quy định thương mại quốc tế ngày càng siết chặt, ảnh hưởng đến kế hoạch mở rộng thị trường xuất khẩu.

Rủi ro pháp lý liên quan đến hợp đồng kinh tế với đối tác, khách hàng trong và ngoài nước.

### Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Giá nguyên vật liệu ngành nhựa (PP, PE) biến động mạnh theo giá dầu thế giới, gây khó khăn trong việc kiểm soát chi phí sản xuất.

Tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến hạn hán, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, làm giảm nhu cầu phân bón và bao bì trong nước.

Tỷ giá ngoại tệ biến động có thể làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận.

## **Rủi ro khác**

Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, đặc biệt là các công ty có công nghệ tiên tiến và chi phí sản xuất thấp hơn.

Hạn chế trong ứng dụng khoa học công nghệ và thương mại điện tử để mở rộng kênh bán hàng và tiếp cận khách hàng mới.

Biến động nhân sự, khó khăn trong việc giữ chân lao động có tay nghề cao, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản xuất.

## PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024

Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát vẫn cao, trong khi các thị trường xuất khẩu gặp khó khăn. Trong nước, nền kinh tế chịu tác động kép từ biến động bên ngoài và những hạn chế (thị trường xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng, đầu tư, tiền tệ, tài chính...), ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

Trước thách thức đó, PPC chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo vận hành ổn định, tối ưu hiệu suất và thích ứng linh hoạt, hướng đến hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ KH 2024	TH 2024/ TH 2023
<b>Sản lượng sản xuất</b>						
Bao bì	Triệu bao	25,57	26,46	28,48	107,63%	111,39%
Phân bón	Nghìn Tấn	1,15	4,13	4,34	105,13%	378,09%
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>						
Bao bì	Triệu bao	25,75	26,80	28,49	106,32%	110,63%
Phân bón	Nghìn Tấn	11,17	9,85	8,32	84,46%	74,49%
<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>361,66</b>	<b>350,00</b>	<b>371,84</b>	<b>106,24%</b>	<b>102,82%</b>
Bao bì	Tỷ đồng	219,10	254,81	264,01	103,61%	120,50%
Phân bón	Tỷ đồng	134,80	93,32	98,83	105,91%	73,32%
Doanh thu khác	Tỷ đồng	5,84	0,64	7,39		126,65%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	1,91	1,21	1,59		
Thu nhập khác		0,01	0,02	0,02		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>10,17</b>	<b>9,17</b>	<b>10,47</b>	<b>114,14%</b>	<b>102,93%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8,02</b>	<b>7,25</b>	<b>8,14</b>	<b>112,30%</b>	<b>101,48%</b>
<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>9,0</b>	<b>8,5</b>			

- Năm 2024, Nhà máy Bao bì cung cấp bao bì một cách chủ động và đầy đủ, đảm bảo tiến độ, chất lượng cho hoạt động đóng gói sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau cũng như các khách hàng bên ngoài. Trong năm sản xuất đạt 28,48 triệu bao đạt 107,63% KH năm 2024 và đạt 111,39% so với năm 2023, hoàn thành kế hoạch đề ra. Sản xuất phân bón thực hiện 4,34 nghìn tấn đạt 105,13% so với KH năm 2024 và đạt 378,09% so với năm 2023.

- Doanh thu thực hiện trong năm 2024 đạt 371,84 tỷ đồng đạt 106,24% so với KH năm 2024 và đạt 102,82% so với năm 2023, hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 thực hiện đạt 10,47 tỷ đồng cao hơn 14,14% so với KH năm 2024 và cao hơn 2,93% so với năm 2023, hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 thực hiện 8,14 tỷ đồng cao hơn 12,30% với KH năm 2024 và cao hơn 1,48% so với năm 2023, hoàn thành kế hoạch đề ra.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban Điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2019 Tái bổ nhiệm ngày 22/01/2024
2	Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26/5/2022
3	Ông Trần Minh Nhất	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

### Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Ban điều hành

#### ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN - GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 13/08/1975

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ 06/1997 đến 08/2001	Kỹ sư vận hành Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 08/2001 đến 03/2005	Kỹ sư cơ khí, Phòng kỹ thuật Ban quản lý dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Từ 03/2005 đến 04/2008	Tổ trưởng tổ Cơ khí, Phòng Cơ điện - Tự động hóa Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 04/2008 đến 09/2008	Phó phòng kỹ thuật Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 09/2008 đến 07/2011	Giám đốc Xưởng sửa chữa Cơ khí tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 07/2011 đến 08/2012	Phó Giám đốc kỹ thuật, Phó Giám đốc phụ trách Công ty CP Bảo dưỡng & Sửa chữa công trình Dầu khí - Chi nhánh miền Nam
Từ 08/2012 đến 05/2013	Phó trưởng Ban Quản lý bảo dưỡng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 05/2013 đến 02/2016	Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 02/2016 đến 10/2017	Phó Giám đốc Nhà máy Đạm kiêm Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 10/2017 đến 01/2019	Phó trưởng Ban Kế hoạch đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/2018 - 06/2023	Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2023 - nay	
Từ 01/2019 - 01/2024	Giám đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 01/2024 - nay	
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện	577.355 cổ phiếu tương ứng 12,03% vốn điều lệ

**ÔNG NGUYỄN THANH NHUẬN - PHÓ GIÁM ĐỐC**

Năm sinh: 02/03/1981

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện - Điện tử
Quá trình công tác	
Từ 01/2006 - 04/2011	Kỹ sư Điện - Điện tử Công ty TNHH Thủy sản NiGiCo
Từ 04/2011 - 03/2012	Kỹ thuật viên - Trưởng ca sản xuất Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2012 - 06/2012	Tổ trưởng Tổ Bảo trì - Sửa chữa Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2012 - 09/2012	Phó Quản đốc phụ trách kỹ thuật Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 09/2012 - 04/2015	Trợ lý Giám đốc - Kiểm Trưởng Bộ phận QLCL - Bảo dưỡng Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2015 - 10/2015	Phó Phòng TC - HC Kiểm Trưởng Bộ phận Kỹ thuật - Sản xuất Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 10/2015 - 04/2016	Trưởng Phòng Quản trị - Kỹ Thuật Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2016 - 03/2019	Phó Giám Đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2019 - 02/2020	Phó Giám Đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Phụ trách Phòng Vận hành sản xuất
Từ 02/2020 - 05/2022	Phó Giám đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2022 - nay	
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**ÔNG TRẦN MINH NHẤT – KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Năm sinh: 02/02/1992

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
Quá trình công tác	
Từ 08/2015 - 05/2018	Chuyên viên kế toán Công ty CP du lịch Bạc Liêu
Từ 03/2019 - 10/2020	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Bạc Liêu
Từ 07/2021 - 06/2023	Chuyên viên kế toán Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/06/2023 - 15/4/2024	Phụ trách kế toán, Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 16/4/2024 - nay	Kế toán trưởng Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**Thay đổi Thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành:**

Stt	Nghị quyết/ Quyết định	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
01	Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHCD, ngày 30/05/2024	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/05/2024
02	Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHCD, ngày 30/05/2024	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30/05/2024
03	Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHCD, ngày 30/05/2024	Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/05/2024
04	Quyết định số: 01/QĐ-PPC-HĐ, ngày 22/01/2024	Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22/01/2024
05	Quyết định số: 02/QĐ-PPC-HĐ, ngày 16/04/2024	Ông Trần Minh Nhất	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

**Cơ cấu nhân sự**

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>220</b>	<b>100,00%</b>
	- Cao đẳng, đại học, trên đại học	44	20,00%
	- Trung cấp chuyên nghiệp	16	7,67%
	- Sơ cấp chuyên nghiệp	8	3,64%
	- Phổ thông và công nhân kỹ thuật	152	69,09%
<b>II</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>220</b>	<b>100,00%</b>
	- Hợp đồng có xác định thời hạn	51	23,18%
	- Hợp đồng không xác định thời hạn	166	75,46%
	- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,00%
	- Hợp đồng thử việc	3	1,36%
<b>III</b>	<b>Theo độ tuổi</b>	<b>220</b>	<b>100,00%</b>
	- Dưới 30 tuổi	34	15,45%
	- 30-39 tuổi	110	50,00%

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
	- 40-49 tuổi	65	29,55%
	- 50-55 tuổi	11	5,00%
	<b>IV Theo giới tính</b>	<b>220</b>	<b>100,00%</b>
	- Nam	148	67,27%
	- Nữ	72	32,73%

### Chính sách nhân sự

Con người là nhân tố quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Ngoài nhiệm vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, cụ thể:

- Công ty đã xây dựng các chương trình đào tạo, phát triển nhân viên ở từng cấp bậc phù hợp với từng vị trí nhằm đảm bảo cung cấp kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với CBCNV theo quy định của Pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Ngoài ra Công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm tai nạn con người (24/24), khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, năng lương, thưởng định kỳ các ngày Lễ trong năm, xét thưởng hàng Quý, thưởng thi đua 6 tháng một lần, CBCNV được tham gia các chương trình đào tạo trong nước.
- Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho CBCNV.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban lãnh đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi thông qua các giải nội bộ, giao hữu và thi đấu bóng đá, bóng bàn. Các hoạt động được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, tái tạo năng lượng và gắn kết trong việc.
- Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần cho người lao động; tổ chức bếp ăn tập trung cho NLD, thành lập các câu lạc bộ thể dục thể thao được đồng đạo NLD, tổ chức thăm hỏi kịp thời đến NLD bệnh nan y, NLD có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao tinh thần học tập, chia sẻ gắn kết, nâng cao tinh thần tự hào về PPC: cuộc thi "Tôi yêu Bao bì Dầu khí", hoạt động chia sẻ sách với chủ đề: "Thế giới Sách – Góc nhìn của Bạn",.....

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Năm 2024, PPC đã thực hiện thủ tục đầu tư theo đúng quy định, tiến độ thực hiện và giá trị thực hiện đúng theo kế hoạch được phê duyệt.

- Máy tráng ghép đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán tháng 8/2024 (giá trị mua sắm máy móc 7.850,39 triệu đồng, ngân sách phê duyệt và giá trị quyết toán đầu tư 8.025,47 triệu đồng)

- Máy in đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán tháng 11/2024, (giá trị mua sắm máy móc 4.937,76 triệu đồng, ngân sách phê duyệt và giá trị quyết toán đầu tư 4.998,524 triệu đồng).

- Bãi tập kết nguyên vật liệu: công trình được quyết toán hoàn thành trong tháng 6/2024 (giá trị quyết toán 2.973,86 triệu đồng, ngân sách phê duyệt 3.063,49 triệu đồng chuyển tiếp kế hoạch nguồn vốn năm 2023)

#### 4. Tình hình tài chính

##### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	TH 2024	TH 2024/ TH 2023
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	125,07	152,31	121,78%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	359,73	370,23	102,92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	10,16	10,48	103,08%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,01	(0,01)	-110,85%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,17	10,47	102,93%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,02	8,14	101,48%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	53,86%	50,12%	93,06%

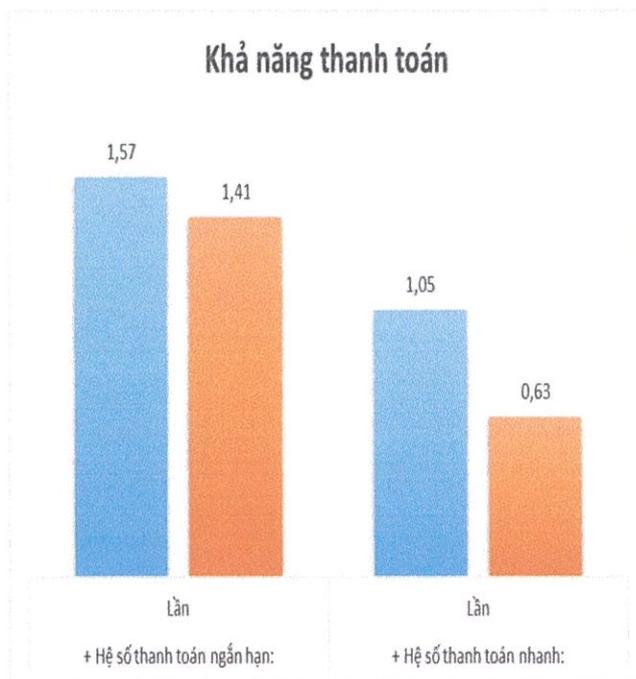
##### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,57	1,41
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,05	0,63
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,46	0,55
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,87	1,22
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	9,93	7,83
+ Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,73	2,67
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,23%	2,20%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,17%	11,99%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,08%	5,87%
+ Tỷ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,83%	2,83%

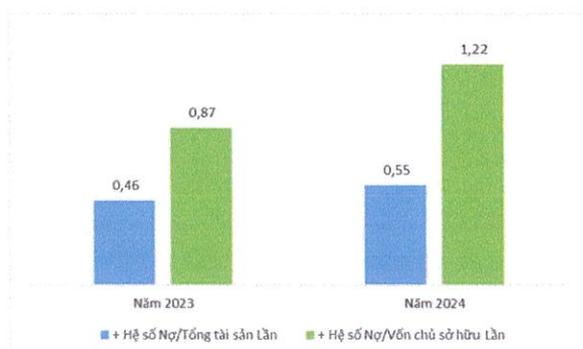
### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Mặc dù hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của PPC giảm, nhưng việc tài sản ngắn hạn tăng lên và hàng tồn kho tăng đáng kể cho thấy công ty đang có sự chuẩn bị tốt hơn về nguồn lực sản xuất, đặc biệt là trong bối cảnh mở rộng kinh doanh.

Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,05 lần xuống 0,63 lần có thể phản ánh việc gia tăng hàng tồn kho làm giảm khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản có tính thanh khoản cao. Công ty có chiến lược quản lý hàng tồn kho hiệu quả, đảm bảo tốc độ luân chuyển hợp lý, thì tình hình tài chính vẫn được kiểm soát tốt.



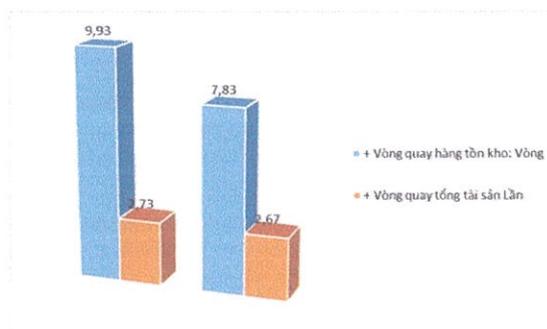
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Nhìn chung, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tương đối ổn định, các chỉ tiêu này tăng so với năm 2023. PPC sử dụng vốn vay để đầu tư vào các hạng mục sinh lời như mở rộng sản xuất, nâng cấp thiết bị, đầu tư chiến lược thì đây là một bước đi hợp lý, lợi nhuận tạo ra đủ để bù đắp chi phí lãi vay.

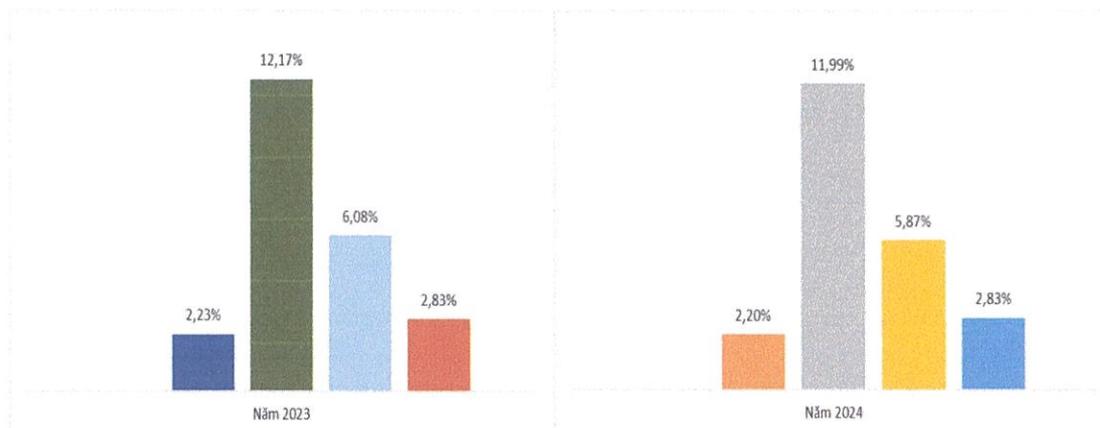
### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 9,93 xuống 7,83 vòng. Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 2,73 xuống 2,67 vòng. Nguyên nhân do lượng hàng tồn kho tăng mạnh từ 28,94 tỷ lên 58,17 tỷ, do dự trữ nguyên vật liệu và sản phẩm chủ động để phục vụ kế hoạch mở rộng sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường năm 2025 đây là chiến lược chuẩn bị dành cho năm 2025 hợp lý.



## Hệ số khả năng sinh lời

Do tình hình chung của ngành trong năm 2024 vẫn còn khó khăn, tỷ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giữ nguyên ở mức 2,83% điều này cho thấy hiệu quả kinh doanh cốt lõi PPC không thay đổi



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Thông tin cổ phiếu tại ngày 31/12/2024

- Vốn điều lệ công ty: 47.995.160.000 đồng
- Tổng cổ phiếu phát hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/10/2024

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
		(người)	(cổ phiếu)	
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>462</b>	<b>4.792.211</b>	<b>99,85%</b>
-	Tổ chức	3	2.802.967	58,40%
-	Cá nhân	459	1.989.244	41,45%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>6</b>	<b>7.305</b>	<b>0,15%</b>
-	Tổ chức	2	1.105	0,02%
-	Cá nhân	4	6.200	0,13%
<b>Tổng cộng</b>		<b>468</b>	<b>4.799.516</b>	<b>100,00%</b>

### Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2024, PPC không thay đổi vốn điều lệ.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**Các chứng khoán khác:** Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PPC thực hiện sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội. Luôn thực thi các quy định về môi trường, đảm bảo an toàn PCCC và an toàn lao động tại Nhà máy. Năm 2024, Công ty thực hiện các hoạt động an sinh phối hợp với cùng chính quyền địa phương; tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương (hơn 90% người lao động PPC là người địa phương). Chúng tôi luôn đặt ra mục tiêu cải thiện quy trình sản xuất, tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng, giảm thiểu chất thải và phát thải ra môi trường.

### Tác động lên môi trường:

*(Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp; Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính)*

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp: 339,37 tấn CO<sub>2</sub>tđ

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp: 3.510,82 tấn CO<sub>2</sub>tđ

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/Measures and initiatives to reduce GHG emission: Không có.

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất Bao bì của Công ty, lượng phế phẩm được tái chế sử dụng lại hơn 30%. Với ngành nghề sản xuất bao bì thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể của Công ty. Để hạn chế lượng phế phẩm mức tối thiểu, Ban lãnh đạo Công ty luôn luôn khuyến khích CBCNV tăng cường sáng tạo cải tiến trong sản xuất, giảm thiểu tối đa lượng phế phẩm trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Sản xuất phân bón:

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Axit Humic	kg	619.795
MAP	kg	23.000
MOP	kg	10.110
Phân Ure	kg	2.068.650
Phụ gia	kg	1.180.418
Bột Talc	kg	9.885
Chất bọc áo	kg	1.784
Chỉ may PE C900(PB Humate)	kg	157
Dung môi mực in (PB Humate)	l	28
Mực in (PB Humate)	l	5
Dầu DO (PB Humate)	l	81.699
Than bùn	kg	2.100
Dây rút (PB Humate)	Bọc	529
Bột màu đen N-J (PB Humate)	kg	170
Bã cà phê	kg	2.673
Bã đậu nành	kg	3.787
Trấu nghiền	kg	40.760

- Sản xuất bao bì:

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Hạt nhựa PP	kg	3.419.000
Hạt nhựa PE	kg	1.307.200
Hạt màu	kg	8.200
Dung môi	kg	38.906
Mực in	kg	18.925
Vải manh PP	kg	251.414
Chỉ may	kg	36.056
Cuộn PE	kg	193.810
Taical	kg	153.700
Chất tẩy trắng	kg	200
Màng mờ	m <sup>2</sup>	10.167.040
Dây Nilon cột bao	kg	3.445
Tấm Carton	cái	16.219
Nhớt các loại	l	100
Dầu hộp số xe nâng Komatsu	l	40
Dầu máy nén khí Hitachi (dùng chung)	lít	40
Mỡ bò	kg	24
Dầu thủy lực	lít	80
Dầu máy các loại	lít	3.600
Xăng thơm (dùng chung)	l	5

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Sản xuất bao bì: lượng nhựa được tái chế được sử dụng để sản xuất chiếm 30,11% (sản lượng tái chế 124.239 kg, sử dụng 37.408 kg).

### Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Định mức điện: đối với Nhà máy Bao bì định mức tiêu hao điện năng là 0,99 kWh/kg sản phẩm; đối với Nhà máy Phân bón định mức tiêu hao điện năng là 65 kWh/tấn. Giá điện: 1.992 đồng/Kwh.

Định mức dầu DO cho Nhà máy Phân bón: 18 lít/tấn (đối với dòng phân bón N.Humate +Te).

- Điện: Nhà máy bao bì 4.910.527 kWh, Nhà máy phân bón 415.357 kWh

- Dầu DO (Diesel oil): 123.271,86 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy:*

Lượng tiêu thụ năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện và dầu DO. Là một doanh nghiệp sản xuất thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất lớn. Do đó, Công ty luôn đưa ra các biện pháp tiết kiệm năng lượng tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy.

Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra các hành động thiết thực như hưởng ứng giờ trái đất, thực hiện hành động tắt điện khi không sử dụng, tổ chức tập huấn hướng dẫn công nhân viên những kiến thức về nguyên lý hoạt động, công nghệ vận hành, giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm,... Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives. Không có*

### **Tiêu thụ nước**

Đối với các nhà máy sản xuất nói chung việc sử dụng nước là bắt buộc. PPC sử dụng 100% nước từ nguồn nước cấp. Công ty không phát sinh nước thải sản xuất. Nước sử dụng trong sản xuất được tuần hoàn tái sử dụng và hao hụt một lượng do bốc hơi. Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý bằng hầm tự hoại (nước thải từ nhà vệ sinh), hoặc xử lý sơ bộ (nước thải Nhà ăn, nước rửa tay) và chảy vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp.

Lượng nước sử dụng: Nhà máy bao bì 6.237 m<sup>3</sup>, Nhà máy phân bón 7.763m<sup>3</sup>.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Có tái chế, tái sử dụng nước ở khâu sợi, tráng của NMBB (tháp giải nhiệt), hệ thống xử lý bụi của NMPB (hệ thống dập bụi) nhưng không đo lường được.

### **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty đã được chứng nhận ISO 14001:2015 và trong quá trình hoạt động Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm về chất thải và khí thải. PPC cam kết tuân thủ theo các quy định do Bộ tài nguyên Môi trường ban hành về tài nguyên nước, ứng phó sự cố và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan trong ngành.

Ngoài ra, Công ty ban hành Chính sách chất lượng, an toàn, môi trường; ban hành các quy định sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng, môi trường sống,... của người lao động.

Trong năm 2024, PPC luôn kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải và không để xảy ra bất cứ sự cố môi trường nào nghiêm trọng.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. Không có*

## Chính sách liên quan đến người lao động

### Thu nhập bình quân của người lao động (không bao gồm Ban Điều hành Quản lý)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động	Người	217	220
Thu nhập bình quân	triệu đồng /tháng/người	11,27	11,59

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động: tuân thủ số giờ lao động/ngày và số ngày làm việc/tuần. CNNV nữ được nghỉ các chế độ trước và sau thai sản. Đời sống tinh thần của người lao động cũng được chú trọng như: chế độ đi đường khi về quê, sinh nhật, tết....

#### Chính sách đào tạo

Công ty luôn đề cao và coi trọng lao động vì đó là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công trong các hoạt động của PPC. Năm 2024 Công ty đã tập trung thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm nâng cao tay nghề chuyên môn người lao động. Chính sách đào tạo của Công ty được thực hiện theo kế hoạch từng phần công việc, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những vị trí cao hơn.

#### Chính sách lương, thưởng

Xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng ngành, nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc của người lao động. Định kỳ hằng năm xét nâng lương, nâng bậc cho những cá nhân có thành tích tốt trong công tác.

Công ty luôn thực hiện khen thưởng cho những cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc các đóng góp mà hội đồng khen thưởng Công ty xét thấy hợp lý.

Năm 2024 PPC đã thực hiện lương và các khoản thưởng: lương tháng 13, thưởng các dịp lễ tết Dương lịch, tết Âm lịch, 30/4, 1/5, 2/9... hoàn thành kế hoạch năm....

#### Chính sách phúc lợi, đãi ngộ

Tất cả CBCNV Công ty đều được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Các chế độ phụ cấp như: độc hại, kiêm nhiệm, chức vụ,... đều được thanh toán đầy đủ kịp thời theo từng kỳ lương.

PPC thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, còn có bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI, bảo hiểm tai nạn cá nhân, bảo hiểm hưu trí.

Công đoàn Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của các CBCNV. Thường xuyên có trợ cấp cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị ốm đau, bệnh tật,... nhằm động viên kịp thời CBCNV và người thân trong gia đình, thể hiện nghĩa tình của Công ty với người lao động.

Định kỳ hằng năm, Công ty đều tổ chức cho toàn thể CBCNV khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, tổ chức cho các CBCNV đi du lịch, nghỉ mát,...

#### Trách nhiệm đối với cộng đồng

Phát triển bền vững không chỉ từ nội tại doanh nghiệp mà còn từ cộng đồng, xã hội. Các hoạt động thiện nguyện không chỉ dừng lại ở xây dựng hình ảnh mà còn là chính sách của Ban lãnh đạo Công ty luôn hướng đến cộng đồng, xã hội vì mục tiêu chung ổn định và phát triển.

Bên cạnh đó, Công ty luôn ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương.

Chính sách trợ cấp thường xuyên và trợ cấp đột xuất: hỗ trợ người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, ... bằng cách cung cấp tiền mặt, dịch vụ, hàng hóa, ...

**Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**



## PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo của Ban Giám đốc

Phân tích hiện trạng PPC (SWOT)

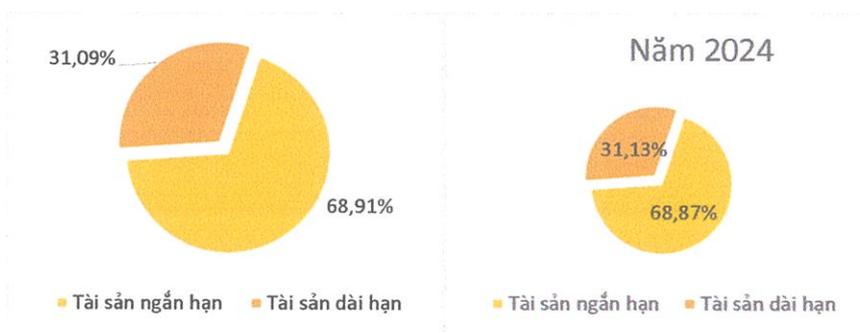
Chất lượng sản phẩm (S)	Chi phí bán hàng (W)	Đầu tư thiết bị (O)	Hạ tầng và máy móc (T)
PPC duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt, từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao	Vị trí địa lý PPC không thuận lợi là nguyên nhân đến chi phí vận chuyển cao, điều này gây bất lợi cho việc phát triển và mở rộng thị trường ra bên ngoài.	Việc đầu tư vào công nghệ và thiết bị hiện đại giúp nâng cao năng suất, giảm chi phí và đảm bảo chất lượng sản phẩm	Cơ sở vật chất và thiết bị đầu tư đã xuống cấp làm tăng chi phí bảo trì, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất

### 2. Tình hình tài chính

#### Tình hình tài sản

##### Cơ cấu tổng tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2023	31/12/2024
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	86,18	104,90
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	22,54	3,12
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	4,12	7,66
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	28,60	58,17
Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	0,91	0,95
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	38,89	47,41
Tổng tài sản	Tỷ đồng	125,07	152,31



Tài sản ngắn hạn giảm nhẹ 0,03%, từ 68,91% xuống 68,87%. Điều này có thể cho thấy PPC đã có sự thay đổi nhỏ trong dòng tiền và hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn tăng nhẹ 0,03%, từ 31,09% lên 31,13%. Điều này có thể liên quan đến các khoản đầu tư vào tài sản cố định.

Tuy nhiên, năm 2024 là một năm khó khăn với tình hình nền kinh tế lạm phát điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất bao bì của PPC. Tuy nhiên PPC thực hiện khoảng đầu tư tài chính; thu hồi công nợ tốt tạo dòng tiền dồi dào, gia tăng lượng tiền mặt cho Công ty.

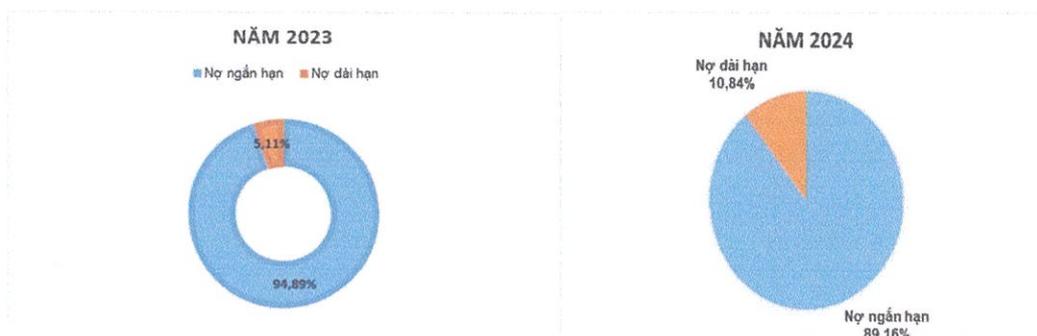
## Tình hình nợ phải trả

### Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
Nợ phải trả	Tỷ đồng	58,03	83,57
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	55,06	74,51
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	2,96	9,06
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	67,04	68,74
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	125,07	152,31

Nợ phải trả của PPC phần lớn là nợ ngắn hạn, chiếm gần 89,16% tổng nợ phải trả năm 2024. Nợ dài hạn chiếm 10,84% tổng nợ, hoàn toàn là nợ vay ngân hàng để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty.

Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 2,53% (từ 67,04 tỷ lên 68,74 tỷ), cho thấy PPC vẫn có sự tích lũy vốn nhưng tốc độ tăng không đáng kể so với nợ phải trả.



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Phòng/ đơn vị được rà soát, điều chỉnh từ tháng 4/2023, đánh giá đến thời điểm hiện tại việc điều chỉnh cơ cấu chức năng, nhiệm vụ của Phòng/ đơn vị đã mang lại hiệu quả tích cực trong hoạt động, các Phòng/ đơn vị phối hợp, triển khai nhiệm vụ khoa học, tránh chồng chéo.

Trong năm 2024, Công ty đã kiện toàn cơ cấu quản lý của NMSX bao bì - Phòng VHSX, việc điều chỉnh cơ cấu quản lý của đơn vị, bước đầu việc quản lý của NMSX được chặt chẽ hơn; hoạt động, tác nghiệp giữa các bộ phận/ tổ sản xuất khoa học, linh hoạt; Tháng 7/2024, Công ty thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ, triển khai công tác kiểm toán nội bộ tại Công ty.

Cập nhật các chính sách đối với người lao động, tuân thủ các quy định của pháp luật. Công tác quản trị, quản lý Doanh nghiệp thực hiện theo quy định quản trị nội bộ Công ty, điều lệ Công ty và luật Doanh nghiệp, các quy định về Công ty niêm yết.

Ngoài ra, công ty cũng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về công bố thông tin, thực hiện đúng hạn việc báo cáo và công khai thông tin theo yêu cầu đối với công ty niêm yết. Điều này không chỉ thể hiện sự minh bạch trong quản trị mà còn giúp duy trì niềm tin từ cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác của PPC.

### 3. Kế hoạch phát triển tương lai

Vận hành an toàn, ổn định Nhà máy sản xuất Bao bì đạt công suất 100% công suất thiết kế và Nhà máy Phân bón đạt sản lượng tối thiểu 7.500 tấn.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng Nhà máy Bao bì và Nhà máy Phân bón vận hành hiệu quả, liên tục.

Rà soát, cập nhật lại bộ định mức tiêu hao sản xuất màng bao bì và phân bón.

Thực hiện số hóa dữ liệu trong công tác vận hành sản xuất, kinh doanh, quản trị Công ty.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình ESG tại doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm các quy định về Phòng cháy, chữa cháy và công tác An toàn vệ sinh lao động tại Doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả.

Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng Văn hoá Doanh nghiệp.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông Công ty PPC giao.

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể năm 2025

Chi tiêu	ĐVT	KH 2025
<b>Sản lượng sản xuất</b>		
Bao bì	Triệu bao	27,00
Phân bón	Nghìn tấn	7,50
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>		
Bao bì	Triệu bao	27,00
Phân bón	Nghìn tấn	10,00
Doanh thu	Tỷ đồng	307,29
Bao bì	Tỷ đồng	243,40

<u>Chi tiêu</u>	<u>ĐVT</u>	<u>KH 2025</u>
Phân bón	<u>Tỷ đồng</u>	63,00
Doanh thu khác	<u>Tỷ đồng</u>	
Doanh thu tài chính	<u>Tỷ đồng</u>	0,88
Thu nhập khác	<u>Tỷ đồng</u>	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<u>Tỷ đồng</u>	<b>9,35</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<u>Tỷ đồng</u>	<b>7,48</b>
<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<u>%</u>	<b>8,50</b>

## Các giải pháp thực hiện

### Quản trị sản xuất:

- Lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch NVL theo tuần/tháng/quý/năm cho NMBB, NMPB một cách khoa học hơn nhằm đáp ứng kế hoạch năm 2025.
- Chủ động dự đoán, cảnh báo kịp thời các rủi ro liên quan đến điều kiện sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất bám sát với kế hoạch.
- Dựa trên kế hoạch sản xuất, cần chủ động chuẩn bị dự phòng các nguyên vật liệu phân bón có thời gian mua sắm dài để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng trong quá trình sản xuất.
- Định kỳ tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện Hệ thống kiểm soát chất lượng một cách toàn diện, đồng thời tăng cường công tác đào tạo đối với bộ phận sản xuất trực tiếp.
- Duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm đầu ra, đảm bảo không có sự cố trả hàng do các nguyên nhân chủ quan, thiếu kiểm soát. Giảm 10% số lượng KPH so với năm 2024 và không có KPH nào mức độ nghiêm trọng.
- Trong năm 2025 sẽ thực hiện cải tiến chất lượng sợi dệt để nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Nghiên cứu thử nghiệm, đánh giá các NVL mới phục vụ cho sản xuất (tối thiểu 10 loại NVL mới).
- Thực hiện chia sẻ các hướng dẫn kỹ thuật về phần điện – cơ khí.
- Lập KHBD cụ thể cho từng cụm máy, đúng tình trạng thực tế.
- Đảm bảo máy móc hoạt động ổn định đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất đã đề ra.
- Đăng ký 3 sáng kiến cải tiến trong năm 2025.
- Xây dựng kế hoạch ATVSLĐ và PCCN tuân thủ quy định pháp luật, bám sát theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Thực hiện tổng hợp, phân tích và báo cáo định kỳ hàng quý.
- Tăng cường hiệu quả kiểm soát thông qua việc đánh giá nội bộ định kỳ (2 lần/năm).
- Tăng cường việc kiểm tra tuân thủ quy định an toàn thông qua hoạt động của đội An toàn vệ sinh viên; Thực hiện đào tạo nội bộ hàng quý.
- Cải tiến máy móc, thiết bị và quy trình làm việc để loại bỏ hoặc giảm thiểu các mối nguy có khả năng dẫn đến sự cố lặp lại.

### Quản trị kinh doanh:

- Phục vụ nhu cầu bao bì tốt cho khách hàng nội bộ là PVCFC và KVF.
- Duy trì mối quan hệ hợp tác với các khách hàng truyền thống.
- Khai thác thêm các nhà nhập khẩu gạo lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Tập trung nguồn lực để xây dựng và phát triển mảng kinh doanh phân bón từng bước khẳng định chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu với khách hàng.
- Phát triển các dòng sản phẩm chuyên biệt cho từng khu vực.
- Phát triển các công thức sản phẩm thị trường cần để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ.

### Quản trị nguồn nhân sự:

- Bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình từng giai đoạn

-Đảm bảo hoạt động đào tạo bám sát yêu cầu thực tế của từng bộ phận, giúp CBNCV nâng cao hơn nữa năng lực chuyên môn, phát triển kỹ năng, đảm bảo chất lượng đội ngũ nhân sự đồng đều đáp ứng công việc ngày càng hiệu quả và nâng cao năng suất.

-Khuyến khích các phòng ban chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, bài học thành công, nhằm lan tỏa kiến thức và nâng cao hiệu quả làm việc.

-Đánh giá hiệu quả của từng chương trình đào tạo dựa trên các tiêu chí như cải thiện kỹ năng, tăng năng suất và giảm chi phí.

-Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát huy vai trò, sức mạnh của các đoàn thể, phát huy sức mạnh tập thể trong sản xuất kinh doanh.

#### **Quản trị tài chính:**

- Đảm bảo nguồn tài chính đủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển bền vững.

-Tối ưu hóa chi phí trong mọi hoạt động, từ sản xuất đến vận hành, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

-Theo dõi và phân tích các khoản chi phí theo thời gian thực hiện; Xây dựng các tiêu chí đánh giá chi phí từ đó phát hiện và loại bỏ các khoản chi không cần thiết.

#### **4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Bao bì Dầu khí Việt Nam, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

#### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

##### **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Thông tin đã thể hiện ở phần II Tình hình hoạt động trong năm

##### **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc hoàn thiện các chính sách quản trị nhân lực

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc trả thù lao lao động

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc bố trí và sử dụng nhân viên

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc đề bạt và thăng tiến

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong đào tạo và phát triển

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc tạo động lực tinh thần cho nhân viên

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc cải thiện môi trường và điều kiện làm việc

##### **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương**

Nhận định được sự tồn tại và phát triển ổn định, bền vững trong xã hội phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố con người và môi trường hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, việc thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội sẽ giúp Công ty đạt được:

- Nâng cao giá trị thương hiệu và uy tín của công ty cũng như mở rộng quy mô kinh doanh cũng như làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Thu hút nguồn lao động giỏi, có năng lực nhằm tăng năng suất, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt. Ngoài ra, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội còn giúp doanh nghiệp giữ chân được những nhân viên có chuyên môn, góp phần khẳng định “sức mạnh mềm” của doanh nghiệp.

- Giúp doanh nghiệp thực hiện hiệu quả hoạt động quản lý trong công ty và các trách nhiệm khác trong xã hội.
- Đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của doanh nghiệp.
- Bên cạnh đó, năm 2024 PPC đã tích cực phối hợp với các cơ quan, ban ngành tại tỉnh Bạc Liêu triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng: trao hơn 500 suất quà cho hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn, tham gia tài trợ các chương trình hỗ trợ người dân gặp khó khăn như trao quỹ vì người nghèo, cấp phát học bổng cho học sinh nghèo vượt khó; ủng hộ làm đèn năng lượng mặt trời ở huyện Vĩnh Lợi... Tạo dựng mối quan hệ gắn kết giữa doanh nghiệp và cộng đồng, nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty trên địa bàn tỉnh.
- PPC đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đóng góp hơn 4,09 tỷ đồng thông qua các khoản thuế, lệ phí. Đây là minh chứng cho sự tuân thủ pháp luật và trách nhiệm doanh nghiệp đối với cộng đồng, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

## PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2024

#### Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2024

Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát vẫn cao, trong khi các thị trường xuất khẩu gặp khó khăn. Trong nước, nền kinh tế chịu tác động kép từ biến động bên ngoài và những hạn chế (thị trường xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng, đầu tư, tiền tệ, tài chính...), ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

Trước thách thức đó, PPC chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo vận hành ổn định, tối ưu hiệu suất và thích ứng linh hoạt, hướng đến hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024.

#### Tình hình thực hiện công tác kế hoạch SXKD vượt kế hoạch



#### CÁC CÔNG TÁC KHÁC

- Trong năm 2024, PPC đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty nghiêm ngặt, thực hiện việc công bố thông tin đúng quy định pháp luật. Hơn thế nữa năm 2024, PPC đã tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy, hướng tin gọn , thành lập phòng KTNB theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế Công ty.
- PPC luôn quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao tay nghề cho người lao động; Kịp thời khen thưởng, khuyến khích và phát động tinh thần sáng tạo trong tác nghiệp của CBCNV
- Tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,... các chế độ kế toán theo quy định; Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận, hỗ trợ giúp, đỡ cho gia đình khó khăn.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành; tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định; lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.
- Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận cũng như hỗ trợ giúp đỡ cho những gia đình công nhân nhân.

#### Trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

- Giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa công ty
- Bảo vệ quyền lợi cho người lao động
- Chống tham nhũng
- Bảo vệ môi trường
- Tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động
- Thu hẹp khoảng cách nhân viên và lãnh đạo
- Vì lợi ích cộng đồng

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2024, Ban Giám đốc đã có những thành tích tích cực trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc phối hợp hoạt động dựa trên nguyên tắc linh động, nhịp nhàng, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông. Mỗi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy định hiện hành và Điều lệ Công ty; nỗ lực triển khai hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Mặc dù, trong năm 2024 có nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực cố gắng, chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 2024 đề ra.
- Đảm bảo Công ty hoạt động và thu nhập đời sống người lao động trong tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu
- Xây dựng phương thức lập kế hoạch, kiểm soát chi phí theo từng cost center giúp việc kiểm soát chi phí được chặt chẽ và hiệu quả.
- Duy trì và đảm bảo mức cổ tức cho cổ đông hàng năm ổn định.
- Tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn.

### Bên cạnh đó còn một số điểm hạn chế

- Hạ tầng, cơ sở vật chất xuống cấp nhưng chưa được đầu tư đồng bộ.
- Máy móc thiết bị qua thời gian khấu hao chưa có kế hoạch đầu tư thay thế.
- Chưa có nhiều sáng kiến cải tiến nổi bật.

### Kế hoạch năm 2025

#### Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025
<b>Sản lượng sản xuất</b>		
Bao bì	Triệu bao	27,00
Phân bón	Nghìn tấn	7,50
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>		
Bao bì	Triệu bao	27,00
Phân bón	Nghìn tấn	10,00
Doanh thu	Tỷ đồng	307,29
Bao bì	Tỷ đồng	243,40
Phân bón	Tỷ đồng	63,00
Doanh thu khác	Tỷ đồng	
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,88
Thu nhập khác	Tỷ đồng	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,35
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,48
Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,50

## VỀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Gia tăng thị phần bao bì và phân bón: đạt từ 28,2 – 30,0 triệu bao và từ 14,1 – 15,0 nghìn tấn phân bón

Thực hiện số hóa dữ liệu trong công tác vận hành sản xuất, kinh doanh, quản trị Công ty  
Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình ESG tại doanh nghiệp.

### Định hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực mục đích nâng cao năng suất lao động

Thường xuyên rà soát, cập nhật lại bộ định mức tiêu hao sản xuất bao bì và phân bón

Thực hiện đầu tư máy móc thiết bị mới, nhà xưởng góp phần nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm

Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

### Định hướng giai đoạn 2021-2025

#### Lĩnh vực bao bì

• Tập trung toàn bộ nguồn lực đáp ứng tất cả nhu cầu đóng gói của Đạm Cà Mau, đồng thời đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm để bảo vệ thương hiệu PVCFC. Tăng tỷ trọng Bao bì cung cấp cho khách hàng bên ngoài, xúc tiến xuất khẩu bao bì sang các nước khác như: Lào, Campuchia,... đảm bảo duy trì sản lượng bao bì đạt 30 triệu bao/năm

#### Lĩnh vực phân bón

• Duy trì sản xuất các sản phẩm phân bón N. Humate, NPK, NPK Humic.  
• Là đơn vị gia công sản phẩm thử nghiệm phân bón mới của PVCFC và gia công cho các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy sản xuất đạt công suất tối đa.

#### • Sản xuất - thị trường

- Nâng cao trình độ tay nghề và kỹ thuật vận hành máy móc;
- Áp dụng triệt để chương trình 5S và Kaizen để loại bỏ lãng phí, tăng hiệu quả sản xuất;
- Không ngừng cải tiến, nghiên cứu công nghệ mới nhằm nâng cao công suất tối đa của máy móc;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt phân khúc bao bì chất lượng cao;
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước;
- Dẫn đầu về chất lượng, giá thành sản phẩm;
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng nhiệt tình, thân thiện và chu đáo;
- Thiên chí trong liên kết, hợp tác với khách hàng và đối tác;
- Không ngừng học hỏi, tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh;
- Xây dựng và giữ vững phương châm: “Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả”;
- Có chính sách bán hàng tốt nhằm xây dựng, định vị thương hiệu trên thị trường. Ngoài ra, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm và năng lực đến rộng rãi các đối tượng khách hàng tiềm năng thông qua các phương tiện truyền thông, internet,...

## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT ngày 21/06/2018 Chủ tịch HĐQT ngày 22/11/2019 Thành viên HĐQT tái bổ nhiệm ngày 08/06/2023 Chủ tịch HĐQT tái bổ nhiệm ngày 08/06/2023
02	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT ngày 21/06/2018 Thành viên HĐQT tái bổ nhiệm ngày 08/06/2023
03	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên HĐQT độc lập tái bổ nhiệm ngày 24/06/2020
04	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT ngày 22/11/2019 Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 30/05/2024
05	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT ngày 22/11/2019 Thành viên HĐQT tái bổ nhiệm ngày 30/05/2024
06	Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT ngày 30/05/2024

#### Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Hội đồng quản trị

##### ÔNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN – CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 08/03/1974

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ
Quá trình công tác	
Từ 01/1998 - 09/1999	Công tác tại Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 09/1999 - 05/2002	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật tại Ban quản lý dự án nhà số 1 và 5 Lê Duẩn thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2002 - 08/2007	Chuyên viên Kỹ thuật cho Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ, TP. HCM
Từ 08/2007 - 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP bất động sản Dầu khí, TP. HCM
Từ 07/2014 - 21/11/2019	Phó chánh Văn phòng Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 21/06/2018 - 21/11/2019	Phó chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ
Từ 22/11/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 10/01/2024 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN – THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 13/08/1975

**Thông tin đã thể hiện ở phần II sơ yếu lý lịch của Ban điều hành.**

**ÔNG TRẦN THIÊN HỒNG – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Năm sinh: 04/03/1951

Quá trình công tác	
Từ 1975 - 1985	Công tác tại Hợp tác xã xây dựng Bình Minh
Từ 1985 - nay	Kinh doanh buôn bán đồ gỗ tại gia
Từ 04/2015 - nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**ÔNG ĐÌNH NHẬT DƯƠNG - THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 08/07/1980

Trình độ chuyên môn	Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 09/2005 - 09/2006	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán SGN
Từ 12/2006 - 04/2010	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 04/2010 - 01/2011	Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 02/2011 - 05/2011	Phó Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng DKVN (PVEIC)
Từ 05/2011 - 10/2013	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thẩm định giá EIC Việt Nam
Từ 04/2014 - 05/2015	Giám đốc tại Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Dương Minh
Từ 07/2015 - 11/2016	Chuyên viên Ban Tài chính tại Kế toán tại Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 11/2016 - 11/2020	Trưởng Phòng Kế toán, Ban Tài chính tại Kế toán Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 12/2020 - 05/2023	Kiểm toán viên nội bộ tại Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 05/2023 - nay	Phó trưởng ban, Ban Kiểm toán Nội bộ kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 22/11/2019 - 29/5/2024	Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**BÀ TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH - THÀNH VIÊN HĐQT**

**Năm sinh: 18/08/1979**

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Từ 11/2001 - 08/2005	Thư ký HACCP, Chuyên viên tại Xí nghiệp 2 – Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2005 - 08/2008	Chuyên viên Phòng Kinh doanh tại Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2008 - 01/2010	Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 02/2010 - 01/2011	Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 08/2012 - 10/2014	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau)
Từ 10/2014 - 01/2015	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau) Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 02/2015 - 06/2018	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2018 - nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 22/11/2019 - 29/05/2024	Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 30/05/2024 - nay	
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

## ÔNG ĐỖ THÀNH HƯNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 03/05/1975

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư lọc hóa dầu, Cử nhân Kinh tế chính trị
Từ 01/06/1998 - 31/03/2003	Chuyên viên, Phòng Dầu thô và SP dầu mỏ, Trung tâm NC và phát triển Chế biến Dầu khí - PetroVietnam- số 4 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. HCM
Từ 01/04/2003 - 30/06/2006	Chuyên viên, Phòng Kinh tế Đề án, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí - Petro Vietnam - Số 4 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. HCM
Từ 01/07/2006 - 30/09/2010	Chuyên viên, Phòng Đầu tư (Đầu tư dự án), - Tổ trưởng Tổ dự án, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM
Từ 01/10/2010 - 31/03/2011	Trợ lý Ban Tổng giám đốc khu vực phía nam, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - 208 Nguyễn Trãi, quận 1, TP. HCM
Từ 01/04/2011 - 30/06/2011	Phó phòng Phụ trách phòng Huy động vốn và Dịch vụ Tài chính, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn - Tầng 18, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Từ 01/07/2011 - 31/12/2015	Trưởng phòng Tổng hợp Tiếp thị, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7, TP. HCM
Từ 01/01/2016 - nay	Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty - Công ty Cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)
Từ 30/05/2024 - nay	Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của Hội đồng quản trị được phân công cho các thành viên thẩm tra một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để ra quyết định. Đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong khoản thời gian từ 01/01/2024 đến 31/12/2024, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	04/04	
02	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	04/04	
03	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	04/04	
04	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	02/02	Miễn nhiệm ngày 30/5/2024

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
05	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	04/04	
06	Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên HĐQT	02/02	Bổ nhiệm ngày 30/5/2024

### Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số ký hiệu	Ngày/ tháng/ năm	Nội dung
01	01-NQ/PPC/HĐ	04/01/2024	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
02	02-NQ/PPC/HĐ	24/01/2024	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 24/01/2024
03	03-NQ/PPC/HĐ	29/3/2024	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 29/3/2024
04	04-NQ/PPC/HĐ	29/3/2024	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
05	05-NQ/PPC/HĐ	01/4/2024	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHCĐ TN 2024
06	06-NQ/PPC/HĐ	01/4/2024	Nghị quyết về việc quyết toán quỹ tiền lương năm 2023
07	07-NQ/PPC/HĐ	02/5/2024	Nghị quyết về việc kế hoạch lao động, tiền lương và thù lao năm 2024
08	08-NQ/PPC/HĐ	07/5/2024	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu ĐHCĐ TN 2024
09	09-NQ/PPC/HĐ	05/6/2024	Nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ và hoạt động của HĐQT năm 2024
10	10-NQ/PPC/HĐ	01/07/2024	V/v Thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ
11	11-NQ/PPC/HĐ	03/07/2024	Vv Công tác cán bộ
12	12-NQ/PPC/HĐ	23/07/2024	V/v Họp HĐQT quý II/2024
13	13-NQ/PPC/HĐ	15/10/2024	V/v Chi trả cổ tức 2023
14	14-NQ/PPC/HĐ	22/10/2024	V/v Họp HĐQT quý III/2024
15	15-NQ/PPC/HĐ	19/12/2024	V/v Phê duyệt danh sách tổ chức tín dụng và hạn mức tiền gửi
16	16-NQ/PPC/HĐ	26/12/2024	V/v Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2024
17	17-NQ/PPC/HĐ	26/12/2024	V/v Kế hoạch SXKD năm 2025
18	01-QĐ/PPC/HĐ	22/01/2024	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc
19	02-QĐ/PPC/HĐ	16/4/2024	Quyết định về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng
20	03-QĐ/PPC/HĐ	26/4/2024	Quyết định về việc ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng
21	04-QĐ/PPC/HĐ	15/5/2024	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính
22	05-QĐ/PPC/HĐ	15/5/2024	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý dòng tiền
23	06-QĐ/PPC/HĐ	30/5/2024	Quy chế quản trị nội bộ Công ty

Stt	Số ký hiệu	Ngày/ tháng/ năm	Nội dung
24	07-QĐ/PPC/HĐ	30/5/2024	Quy chế hoạt động của HĐQT
25	08 - QĐ/PPC/HĐ	01/07/2024	V/v Thành lập Phòng KTNB
26	9 - QĐ/PPC/HĐ	01/07/2024	V/v ban hành Sơ đồ tổ chức Công ty
27	10 - QĐ/PPC/HĐ	05/07/2024	V/v Bổ nhiệm Phó Phòng KTNB
28	11 - QĐ/PPC/HĐ	23/07/2024	V/v ban hành Chính sách nhân viên
29	12 - QĐ/PPC/HĐ	28/07/2024	V/v Kế hoạch kiểm toán nội bộ
30	13 - QĐ/PPC/HĐ	29/07/2024	V/v Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ
31	14 - QĐ/PPC/HĐ	22/10/2024	Quy chế trả lương trả thưởng
32	15 - QĐ/PPC/HĐ	20/11/2024	Quy trình kiểm toán nội bộ

### Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ hoạt động và Quy chế, quy định của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ được giao.

Việc giám sát được thực hiện thông qua các báo cáo của Giám đốc tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp giao ban của Ban điều hành. Ngoài ra, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban điều hành về các vấn đề liên quan trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển Công ty.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Trần Thiên Hồng – thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT độc lập theo điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật.

## 2. Ban kiểm soát

### Danh sách Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Kiểm soát viên
01	Ông Lê Cảnh Khánh	Trưởng BKS	Trưởng BKS từ 08/06/2023
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	Trưởng BKS ngày 14/04/2016 - 20/06/2018 Kiểm soát viên ngày 21/06/2018 - nay
03	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	Kiểm soát viên ngày 24/06/2020

### Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát

**ÔNG LÊ CẢNH KHÁNH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Năm sinh: 28/09/1970

---

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 09/1992 - 06/1996	Kế toán trưởng Trung tâm Tôm- Đại học Cần Thơ, Kế toán trưởng- Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ
07/1996- 12/2002	Chuyên viên tín dụng, Chương trình hỗ trợ phát triển FOS Tỉnh Vĩnh Long
01/2005 - 02/2011	Kế toán trưởng Công ty CP Cơ Khí Ô tô Cần Thơ (CAMECO)
03/2011 - 06/06/2023	Kế Toán Trưởng Công ty CP Bao Bì Dầu Khí Việt Nam (PPC)
Từ 08/06/2023 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 12/06/2023 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.470 cổ phiếu tương ứng 0,03% vốn điều lệ

**BÀ NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG – KIỂM SOÁT VIÊN**

Năm sinh: 10/12/1982

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 10/2005 - 05/2007	Kế toán bán hàng Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Vĩnh Tường, tại quận 10, TP.HCM
Từ 06/2007 - 08/2008	Kế toán kho Công ty Cổ Phần Nhà Tinh Túy, tại quận 10, TP. HCM
Từ 09/2008 - 09/2010	Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn Kế toán V.L.C
Từ 10/2010 - 01/2012	Kế toán bán hàng, Cửa hàng Honda Nam Sương 2 thuộc Công ty TNHH Cà Phê Nam Sương tại TP. Bạc Liêu
Từ 07/2012 - 04/2016	Kế toán Vật tư bán hàng, kiêm thủ quỹ tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 14/04/2016 - 20/06/2018	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 9/2018 - 01/2019	Phó phòng KH-KD phụ trách kế hoạch Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 21/06/2018 - nay	Kiểm soát viên Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 02/2019 - 04/07/2024	Phó phòng Kinh doanh Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 05/07/2024 - nay	Phó phòng Kiểm toán nội bộ Công ty CP Bai bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

**BÀ NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG – KIỂM SOÁT VIÊN**

Năm sinh: 27/01/1983

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 03/2007 đến 12/2007	Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Xây Dựng Phát Triển Nhà Bạc Liêu
Từ 12/2007 đến 10/2008	Giao dịch viên tại Ngân hàng TMCP Nam Việt CN Bạc Liêu
Từ 10/2008 đến 05/2009	Kiểm Soát Viên tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 05/2009 đến 03/2014	Phó Trưởng phòng Kế Toán Ngân Quỹ phụ trách Phòng Kế toán Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2014 tháng 12/2014	Phó phòng Kế toán và Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2014 đến 12/2015	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch kiêm phụ trách Kế Toán tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2015 đến 02/2017	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2017 đến 09/2018	Kế Toán kiêm Quản Lý Trung Tâm tại Trung Tâm Kế Toán Dịch Vụ Thuế
Từ 10/2018 đến 12/2018	Phó Trưởng phòng phụ trách Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 01/2019 đến 05/2019	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 05/2019 đến 07/2019	Trưởng phòng giao dịch tại Phòng Giao dịch Hòa Bình Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 08/2019 đến 04/2020	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 04/2020 - nay	Chuyên viên kế hoạch tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2020 - nay	Kiểm soát viên tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

## Các cuộc họp trong năm

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Lê Cảnh Khánh	Trưởng Ban kiểm soát	5/5	
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	5/5	
03	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	5/5	

## Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, xem xét các báo cáo tài chính của Công ty và thực hiện việc giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành, luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu, tập trung xây dựng và phát triển Công ty.
- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các Nghị quyết/Quyết định, chỉ thị của PVCFC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đều được Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kịp thời.
- Kiểm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính bán niên và kiểm tra báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Công ty đã lập báo cáo tài chính đúng thời hạn và phù hợp với Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn được ưu tiên hàng đầu. Về cơ bản, các quy chế, quy trình, quy định đều phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, tình hình hoạt động của Công ty và được cán bộ, nhân viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Công ty đang tiếp tục rà soát, bổ sung và sửa đổi các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Các quyết định, chỉ thị của Giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền, hợp pháp và kịp thời nhằm điều hành tốt hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán theo quy định của pháp luật.

## Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi và thảo luận với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Trưởng Ban kiểm soát tham gia để đánh giá tình hình thực hiện định hướng, chiến lược và thiết lập các định hướng, đề ra giải pháp chiến lược theo tình hình mới làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các tài liệu họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát xem xét và đóng góp ý kiến. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Các biên bản họp của Hội đồng quản trị đều được gửi tới Ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời. Ngoài việc kiểm tra giám sát, trong quá trình soạn thảo, ban hành các quy chế, quy định, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát với chuyên môn của mình đã tham gia tư vấn, góp ý để hoàn thiện hơn, phù hợp với tình hình thực tế.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành

#### Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

ĐVT: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao	Thưởng, phúc lợi khác	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	162.334.150	130.975.085	293.309.235	
2	Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	110.303.625	-	110.303.625	
3	Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT	110.303.625	-	110.303.625	
4	Đình Nhật Dương	Thành viên HĐQT	45.959.844	-	45.959.844	
5	Đỗ Thành Hưng	Thành viên HĐQT	64.343.780	-	64.343.780	
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					
1	Lê Cảnh Khánh	Trưởng BKS	478.099.175	50.528.396	528.627.571	
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	69.750.821	-	69.750.821	
3	Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	69.750.821	-	69.750.821	
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>					
1	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	826.982.358	135.975.085	962.957.443	
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó giám đốc	496.189.415	67.631.434	563.820.849	
3	Trần Minh Nhất	Kế toán trưởng	261.662.386	5.000.000	266.662.386	

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** không phát sinh

#### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2024, Công ty có thực hiện giao dịch mua bán sản phẩm Bao bì và Phân bón với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau là công ty mẹ - Cổ đông lớn (chiếm 51,03% vốn điều lệ Công ty).

#### Đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

## PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(như đính kèm)

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC).

Nơi nhận:

- Lưu VT



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch
Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên
Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024)
Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM  
Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8  
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Trung Kiên**  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Số: 05M /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0723-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Công Cương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3992-2022-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>104.901.214.406</b>	<b>86.182.109.845</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.121.473.191</b>	<b>22.543.505.044</b>
1. Tiền	111		3.121.473.191	12.543.505.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.000.000.000	30.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.658.818.917</b>	<b>4.121.243.096</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.198.122.077	3.661.908.723
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		228.316.050	14.586.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	363.501.370	485.465.753
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(131.120.580)	(40.717.380)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>58.166.939.145</b>	<b>28.603.773.206</b>
1. Hàng tồn kho	141		58.166.939.145	28.935.620.018
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(331.846.812)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>953.983.153</b>	<b>913.588.499</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	284.592.989	504.485.069
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		669.390.164	409.103.430
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>47.412.808.939</b>	<b>38.889.400.917</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>511.526.016</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	511.526.016	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.575.223.891</b>	<b>34.259.396.026</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	32.362.935.075	34.259.396.026
- Nguyên giá	222		131.649.757.854	127.995.202.323
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.286.822.779)	(93.735.806.297)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	11.212.288.816	-
- Nguyên giá	225		11.983.425.797	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(771.136.981)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		380.000.000	380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(380.000.000)	(380.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>2.186.058.460</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.186.058.460
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.326.059.032</b>	<b>2.443.946.431</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.326.059.032	2.443.946.431
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>152.314.023.345</b>	<b>125.071.510.762</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>83.569.463.167</b>	<b>58.026.682.492</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.506.967.116</b>	<b>55.062.202.617</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	14.333.200.920	21.380.304.453
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	47.792.464.908	23.755.529.116
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	698.180.985	992.261.730
4. Phải trả người lao động	314		7.476.096.999	6.769.987.015
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	502.987.452	344.942.641
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		72.130.379	65.483.489
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	3.236.405.438	1.238.940.633
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	395.500.035	514.753.540
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.062.496.051</b>	<b>2.964.479.875</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	9.062.496.051	2.964.479.875
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>68.744.560.178</b>	<b>67.044.828.270</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>68.744.560.178</b>	<b>67.044.828.270</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.995.160.000	47.995.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.995.160.000	47.995.160.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.535.801.899	10.931.716.848
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.213.598.279	8.117.951.422
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		74.204.162	97.526.166
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.139.394.117	8.020.425.256
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>152.314.023.345</b>	<b>125.071.510.762</b>


Trịnh Thanh Trúc  
Người lập biểu

Trần Minh Nhất  
Kế toán trưởngNguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	370.255.844.016	359.733.249.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	25.609.584	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		370.230.234.432	359.733.249.950
4. Giá vốn hàng bán	11	23	339.743.119.898	328.665.461.422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.487.114.534	31.067.788.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.587.992.730	1.914.937.742
7. Chi phí tài chính	22	26	594.041.105	272.689.047
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		593.490.561	272.629.649
8. Chi phí bán hàng	25	27	6.422.931.138	6.364.572.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.580.816.230	16.181.093.575
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		10.477.318.791	10.164.370.769
11. Thu nhập khác	31		23.550.000	7.313.265
12. Chi phí khác	32		31.656.515	-
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8.106.515)	7.313.265
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.469.212.276	10.171.684.034
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	2.329.818.159	2.151.258.778
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.139.394.117	8.020.425.256
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.357	1.229

Trịnh Thanh Trúc  
Người lập biểu

Trần Minh Nhất  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.469.212.276	10.171.684.034
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.322.153.463	5.746.370.034
Các khoản dự phòng	03	(241.443.612)	331.846.812
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(734.490)	(383.117)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.041.100.017)	(1.914.495.227)
Chi phí lãi vay	06	593.490.561	272.629.649
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.101.578.181	14.607.652.185
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.543.956.154)	(2.631.995.989)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(29.231.319.127)	8.660.625.761
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.694.652.070	(17.465.174.036)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(662.220.521)	174.149.522
Tiền lãi vay đã trả	14	(561.093.545)	(274.807.192)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.575.724.040)	(1.758.182.203)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	300.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.239.351.314)	(1.708.947.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.017.434.450)	(96.679.552)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.608.760.147)	(6.395.973.433)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(30.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.000.000.000	50.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.185.264.400	2.106.002.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.423.495.747)	15.710.028.644
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	515.420.631	3.231.784.008
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.266.633.133)	(2.636.250.532)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.911.059.244)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.319.564.400)	(4.079.588.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.981.836.146)	(3.484.055.124)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(19.422.766.343)	12.129.293.968
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.543.505.044	10.413.827.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	734.490	383.117
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	3.121.473.191	22.543.505.044



Trịnh Thanh Trúc  
Người lập biểu



Trần Minh Nhất  
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

11/01/2011

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

### **Công ty là bên đi thuê**

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Số năm

Máy móc và thiết bị

5

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa, bảo trì, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, vật liệu, phụ tùng thay thế và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội cổ đông thường niên.

#### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi cộng đồng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

#### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

#### Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi

ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tính hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm/kỳ báo cáo nhưng đến năm/kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm/kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty chưa có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón.

Đối với hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	80.798.373	89.397.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.040.674.818	12.454.107.850
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<b>3.121.473.191</b>	<b>22.543.505.044</b>

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	35.000.000.000	35.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

- (i) Thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bạc Liêu có kỳ hạn gốc 6 tháng, với lãi suất 4,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,5%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	4.751.239.000	-
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	1.577.253.600	531.360.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hiếu Nhân	301.344.000	626.400.000
Các khách hàng khác	568.285.477	2.504.148.723
	<b>7.198.122.077</b>	<b>3.661.908.723</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	247.686.102	-

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	338.301.370	482.465.753
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.000.000	3.000.000
Tạm ứng cho công nhân viên	8.200.000	-
	<b>363.501.370</b>	<b>485.465.753</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	511.526.016	-
	<b>511.526.016</b>	<b>-</b>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.430.275.897	-	19.381.350.891	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	569.102.353	-	2.542.306.483	-
Thành phẩm	16.417.560.895	-	7.011.962.644	(331.846.812)
Hàng gửi bán	15.750.000.000	-	-	-
	<b>58.166.939.145</b>	<b>-</b>	<b>28.935.620.018</b>	<b>(331.846.812)</b>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	97.744.343	282.883.782
Vật liệu, phụ tùng thay thế	11.825.001	17.841.667
Các khoản khác	175.023.645	203.759.620
	<b>284.592.989</b>	<b>504.485.069</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Vật liệu, phụ tùng thay thế	455.966.875	1.072.302.375
Chi phí sửa chữa, bảo trì	2.288.347.698	947.191.792
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	581.744.459	415.801.897
Các khoản khác	-	8.650.367
	<b>3.326.059.032</b>	<b>2.443.946.431</b>

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	53.777.225.742	65.301.275.333	8.366.626.842	550.074.406	127.995.202.323
Tăng trong năm	2.751.197.349	775.300.000	-	128.058.182	3.654.555.531
Phân loại lại	(622.547.980)	622.547.980	-	-	-
Số dư cuối năm	55.905.875.111	66.699.123.313	8.366.626.842	678.132.588	131.649.757.854
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	30.250.317.855	55.928.656.368	7.165.099.082	391.732.992	93.735.806.297
Khấu hao trong năm	3.067.591.748	2.014.887.801	402.848.502	65.688.431	5.551.016.482
Phân loại lại	(5.187.900)	5.187.900	-	-	-
Số dư cuối năm	33.312.721.703	57.948.732.069	7.567.947.584	457.421.423	99.286.822.779
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	<b>23.526.907.887</b>	<b>9.372.618.965</b>	<b>1.201.527.760</b>	<b>158.341.414</b>	<b>34.259.396.026</b>
Tại ngày cuối năm	<b>22.593.153.408</b>	<b>8.750.391.244</b>	<b>798.679.258</b>	<b>220.711.165</b>	<b>32.362.935.075</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 55.293.667.973 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 53.724.441.473 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu” và tài sản cố định khác hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 26.025.545.426 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 27.679.948.877 VND).

11. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	-
Thuê tài chính trong năm	11.983.425.797
Số dư cuối năm	<u>11.983.425.797</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	771.136.981
Số dư cuối năm	<u>771.136.981</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	<u><u>11.212.288.816</u></u>

Theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 71.24.02/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024, số 71.24.03/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 với Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được quyền lựa chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.385.303.268	1.385.303.268	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	837.185.973	2.329.818.159	2.575.724.040	591.280.092
Thuế thu nhập cá nhân	155.075.757	251.183.654	299.358.518	106.900.893
Tiền thuê đất	-	76.505.846	76.505.846	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	42.294.302	42.294.302	-
	<u>992.261.730</u>	<u>4.088.105.229</u>	<u>4.382.185.974</u>	<u>698.180.985</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bao bì Nhựa Trung Sơn	1.903.399.452	406.522.357
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Liên minh (LIMICO)	292.516.400	3.801.048.510
Công ty TNHH Quang Trần Phát	61.050.240	4.402.350.000
Phải trả cho các đối tượng khác	12.076.234.828	12.770.383.586
	<u>14.333.200.920</u>	<u>21.380.304.453</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	1.549.800	-

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	31.978.740.750	23.752.206.958
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Hưng Thạnh	15.787.500.000	-
Các khách hàng khác	26.224.158	3.322.158
	<b>47.792.464.908</b>	<b>23.755.529.116</b>
<i>Trong đó:</i>		
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	31.978.740.750	23.752.206.958

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí tiền điện	342.028.859	216.381.064
Chi phí lãi vay	35.958.593	3.561.577
Các khoản trích trước khác	125.000.000	125.000.000
	<b>502.987.452</b>	<b>344.942.641</b>

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	1.238.940.633	1.238.940.633	1.406.373.006	1.266.633.133	1.378.680.506	1.378.680.506
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	-	-	4.768.784.176	2.911.059.244	1.857.724.932	1.857.724.932
	<b>1.238.940.633</b>	<b>1.238.940.633</b>	<b>6.175.157.182</b>	<b>4.177.692.377</b>	<b>3.236.405.438</b>	<b>3.236.405.438</b>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng (i)	4.203.420.508	4.203.420.508	515.420.631	1.266.633.133	3.452.208.006	3.452.208.006
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	-	-	11.757.752.727	2.911.059.244	8.846.693.483	8.846.693.483
	<b>4.203.420.508</b>	<b>4.203.420.508</b>	<b>12.273.173.358</b>	<b>4.177.692.377</b>	<b>12.298.901.489</b>	<b>12.298.901.489</b>

**Trong đó:**

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.238.940.633	1.238.940.633			3.236.405.438	3.236.405.438
- Số phải trả sau 12 tháng	2.964.479.875	2.964.479.875			9.062.496.051	9.062.496.051

- (i) Thể hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu theo các hợp đồng cho vay số DN4-1111/2021-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 18 tháng 11 năm 2021, DN-2501/2022-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 25 tháng 01 năm 2022, DN-0308/2022-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 09 tháng 8 năm 2022, DN-1605/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 16 tháng 5 năm 2023, DN-2011/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 20 tháng 11 năm 2023, DN-2211/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 22 tháng 11 năm 2023, DN-2706/2024-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 10 tháng 7 năm 2024 với thời hạn vay từ 3 đến 5 năm để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định khác hình thành từ vốn vay (Thuyết minh số 10). Lãi suất của các khoản vay cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 8%/năm đến 12%/năm (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 8,9%/năm đến 12%/năm).

- (ii) Thể hiện khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 71.24.02/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024, 71.24.03/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 với thời hạn cho thuê tài chính 60 tháng. Lãi suất của các khoản nợ thuê tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7,6%/năm.

Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.236.405.438	1.238.940.633
Trong năm thứ hai	3.152.506.932	1.213.527.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.909.989.119	1.750.952.875
	<b>12.298.901.489</b>	<b>4.203.420.508</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	3.236.405.438	1.238.940.633
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>9.062.496.051</b>	<b>2.964.479.875</b>

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>514.753.540</b>	<b>281.152.924</b>
- Trích quỹ trong năm	2.120.097.809	1.642.548.216
- Sử dụng quỹ	(2.239.351.314)	(1.408.947.600)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>395.500.035</b>	<b>514.753.540</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Lợi nhuận sau</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>của chủ sở hữu</u>	<u>phát triển</u>	<u>thuế chưa phân</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>phối</u>	<u>VND</u>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>47.995.160.000</b>	<b>9.918.903.186</b>	<b>6.832.476.644</b>	<b>64.746.539.830</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.020.425.256	8.020.425.256
Trích lập các quỹ	-	1.012.813.662	(2.655.361.878)	(1.642.548.216)
Chia cổ tức	-	-	(4.079.588.600)	(4.079.588.600)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>47.995.160.000</b>	<b>10.931.716.848</b>	<b>8.117.951.422</b>	<b>67.044.828.270</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.139.394.117	8.139.394.117
Trích lập các quỹ (i)	-	1.604.085.051	(3.724.182.860)	(2.120.097.809)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(4.319.564.400)	(4.319.564.400)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>47.995.160.000</b>	<b>12.535.801.899</b>	<b>8.213.598.279</b>	<b>68.744.560.178</b>

- (i) Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 1.604.085.051 VND, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.697.809 VND, Quỹ thưởng người quản lý với số tiền 275.400.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024.

- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 9%/cổ phiếu tương đương với số tiền 4.319.564.400 VND. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông vào ngày 04 tháng 11 năm 2024.

**Cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.799.516	4.799.516
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.799.516	4.799.516
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.799.516	4.799.516
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.799.516	4.799.516

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười ba ngày 03 tháng 7 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 47.995.160.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	24.491.670.000	51,03	24.491.670.000	51,03	24.491.670.000	51,03
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	-	-	-	-	3.528.000.000	7,35
Dương Văn Cọp (*)	3.528.000.000	7,35	3.528.000.000	7,35	-	-
Cổ đông khác	19.975.490.000	41,62	19.975.490.000	41,62	19.975.490.000	41,62
	<b>47.995.160.000</b>	<b>100</b>	<b>47.995.160.000</b>	<b>100</b>	<b>47.995.160.000</b>	<b>100</b>

(\*) Ngày 10 tháng 12 năm 2024, Dương Văn Cọp mua lại 352.800 cổ phiếu từ Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc, trở thành cổ đông lớn của Công ty với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ là 7,35%.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	587,56	593,98
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Cam kết thuê hoạt động</b>		
Dưới 1 năm	264.538.646	264.538.646
Từ 1 năm đến 5 năm	1.058.154.582	1.058.154.582
Trên 5 năm	8.306.513.469	8.571.052.114
<b>Cộng</b>	<b>9.629.206.697</b>	<b>9.893.745.342</b>

Thành phẩm nhận giữ hộ khách hàng tại ngày cuối năm như sau:

Tên thành phẩm	Tên khách hàng	Số lượng (Tấn)
Phân N.HUMATE+TE 28-5 (25Kg)	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	189
Phân N.HUMATE+TE 28-5 (50Kg)	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	249
<b>Cộng</b>		<b>438</b>

21. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất và kinh doanh bao bì, Bộ phận sản xuất và kinh doanh phân bón và Bộ phận kinh doanh hàng hóa.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận:**

Năm nay	Sản xuất và kinh	Sản xuất và kinh	Kinh doanh hàng	Tổng cộng
	doanh bao bì	doanh phân bón	hàng hóa	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	257.394.584.432	30.241.432.000	82.594.218.000	370.230.234.432
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(229.301.914.595)	(29.749.540.703)	(80.691.664.600)	(339.743.119.898)
Chi phí hoạt động bộ phận	(12.830.062.421)	(785.134.654)	-	(13.615.197.075)
Chi phí tài chính	(594.041.105)	-	-	(594.041.105)
<b>Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>14.668.566.311</b>	<b>(293.243.357)</b>	<b>1.902.553.400</b>	<b>16.277.876.354</b>
Chi phí hoạt động chung				(7.388.550.293)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.587.992.730
Lỗ khác				(8.106.515)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>10.469.212.276</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.329.818.159)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>8.139.394.117</b>
<b>Năm trước</b>				
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	220.501.631.140	12.214.079.440	127.017.539.370	359.733.249.950
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(185.823.182.238)	(16.354.877.384)	(126.487.401.800)	(328.665.461.422)
Chi phí hoạt động bộ phận	(9.785.862.249)	(672.793.909)	-	(10.458.656.158)
Chi phí tài chính	(220.086.307)	(52.602.740)	-	(272.689.047)
<b>Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>24.672.500.346</b>	<b>(4.866.194.593)</b>	<b>530.137.570</b>	<b>20.336.443.323</b>
Chi phí hoạt động chung				(12.087.010.296)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.914.937.742
Lợi nhuận khác				7.313.265
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>10.171.684.034</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.151.258.778)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>8.020.425.256</b>

Bảng cân đối kế toán theo bộ phận:

Số cuối năm	Sản xuất và kinh	Sản xuất và kinh	Kinh doanh hàng	Tổng cộng
	doanh bao bì VND	doanh phân bón VND	hóa VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	38.653.146.883	10.700.943.070	15.750.000.000	65.104.089.953
Tài sản không phân bổ				87.209.933.392
<b>Tổng cộng tài sản</b>				<b>152.314.023.345</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	42.454.118.066	366.427.890	15.787.500.000	58.608.045.956
Nợ phải trả không phân bổ				24.961.417.211
<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>				<b>83.569.463.167</b>

Số đầu năm	Sản xuất và kinh	Sản xuất và kinh	Kinh doanh hàng	Tổng cộng
	doanh bao bì VND	doanh phân bón VND	hóa VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	45.173.496.282	22.770.262.884	-	67.943.759.166
Tài sản không phân bổ				57.127.751.596
<b>Tổng cộng tài sản</b>				<b>125.071.510.762</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	48.486.100.667	22.420.000	-	48.508.520.667
Nợ phải trả không phân bổ				9.518.161.825
<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>				<b>58.026.682.492</b>

22. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán bao bì	271.423.412.016	224.291.909.925
Doanh thu bán phân bón	98.832.432.000	135.441.340.025
	<b>370.255.844.016</b>	<b>359.733.249.950</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	23.200.000	-
Hàng bán trả lại	2.409.584	-
	<b>25.609.584</b>	-
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 31)	266.703.364.282	213.185.121.241

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của bao bì đã bán	239.699.947.942	190.053.584.038
Giá vốn của phân bón đã bán	100.375.018.768	138.280.030.572
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(331.846.812)	331.846.812
	<b>339.743.119.898</b>	<b>328.665.461.422</b>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.559.582.944	141.232.895.339
Chi phí nhân công	38.837.865.230	36.603.315.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.322.153.463	5.746.370.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.856.512.513	17.910.023.383
Chi phí khác bằng tiền	9.911.482.637	11.500.566.879
	<b>287.487.596.787</b>	<b>212.993.170.805</b>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.041.100.017	1.914.495.227
Chiết khấu thanh toán được hưởng	545.607.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.285.213	442.515
	<b>1.587.992.730</b>	<b>1.914.937.742</b>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	375.046.319	272.629.649
Lãi thuê tài sản thuê tài chính	218.444.242	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	550.544	59.398
	<b>594.041.105</b>	<b>272.689.047</b>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	6.095.475.200	6.026.720.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	972.459.681	926.231.617
Thuế, phí và lệ phí	145.186.256	146.630.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.881.937.374	2.692.483.859
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.485.757.719	6.389.026.968
	<b>14.580.816.230</b>	<b>16.181.093.575</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	1.751.630.832	1.919.627.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	50.809.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.950.207.687	2.427.336.689
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.721.092.619	1.966.798.644
	<b>6.422.931.138</b>	<b>6.364.572.879</b>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.240.910.364	2.151.258.778
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	88.907.795	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.329.818.159</b>	<b>2.151.258.778</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.469.212.276	10.171.684.034
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	735.339.542	584.609.857
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.204.551.818	10.756.293.891
<b>Trong đó:</b>		
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	11.204.551.818	10.756.293.891
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.240.910.364</b>	<b>2.151.258.778</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.139.394.117	8.020.425.256
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (i)	(1.627.878.823)	(2.120.097.809)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.511.515.294</b>	<b>5.900.327.447</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	4.799.516	4.799.516
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.357</b>	<b>1.229</b>

- (i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 ước tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 30 tháng 5 năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi như trình bày tại Thuyết minh số 19.

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.020.425.256	8.020.425.256
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.604.085.051)	(2.120.097.809)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>6.416.340.205</b>	<b>5.900.327.447</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.799.516	4.799.516
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.337</b>	<b>1.229</b>

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 39.173,5 m2 tại khu công nghiệp Trà Kha, tỉnh Bạc Liêu với giá thuê 1.953 VND/m2/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2011.
- Tổng số tiền sử dụng dịch vụ hạ tầng cho 39.173,5 m2 tại khu công nghiệp Trà Kha, tỉnh Bạc Liêu với giá dịch vụ 4.800 VND/m2/năm. Hợp đồng cung cấp dịch vụ hạ tầng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2011.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Các đơn vị cùng Tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	266.475.358.632	213.185.121.241
Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt	228.005.650	-
	<u>266.703.364.282</u>	<u>213.185.121.241</u>
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.204.250.300	2.081.791.950
	<u>2.204.250.300</u>	<u>2.081.791.950</u>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân Bón Và Hóa Chất Dầu Khí Tây Nam Bộ	71.840.500.000	99.857.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.941.851.852	22.401.851.852
Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam	331.949.667	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	323.604.450	385.506.875
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Việt Nam	14.855.400	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	516.225.000
	<u>74.452.761.369</u>	<u>123.160.583.727</u>

*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt	247.686.102	-
	<u>247.686.102</u>	-
<b>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	31.978.740.750	23.752.206.958
	<u>31.978.740.750</u>	<u>23.752.206.958</u>
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Việt Nam	1.549.800	-
	<u>1.549.800</u>	-
<b>Ứng trước cho người bán</b>		
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	176.452.850	-
	<u>176.452.850</u>	-

*Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

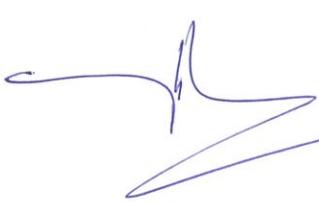
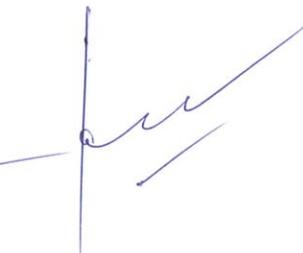
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>624.220.109</b>	<b>1.145.635.856</b>
Ông Nguyễn Đức Thuận	293.309.235	778.667.528
Ông Trần Thiên Hồng	110.303.625	122.322.776
Bà Trần Như Quỳnh	110.303.625	122.322.776
Ông Đỗ Thành Hưng (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024)	64.343.780	-
Ông Đinh Nhật Dương (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024)	45.959.844	122.322.776
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>1.526.778.292</b>	<b>1.304.112.547</b>
Ông Nguyễn Trung Kiên	962.957.443	778.667.528
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	563.820.849	525.445.019
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>668.129.214</b>	<b>475.258.451</b>
Ông Lê Cảnh Khánh	528.627.572	271.986.779
Ông Vũ Chí Dương	-	48.569.338
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	69.750.821	77.351.167
Bà Nguyễn Hoài Phương	69.750.821	77.351.167
<b>Kế toán trưởng</b>		
Ông Trần Minh Nhất	266.662.386	211.260.936
	<b>3.085.790.001</b>	<b>3.136.267.790</b>

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 30.517.500 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 301.896.950 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 2.911.059.244 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND), là số tiền liên quan đến hoạt động thuê tài chính phát sinh trong năm.



**Trịnh Thanh Trúc**  
Người lập biểu

**Trần Minh Nhất**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Trung Kiên**  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2025